

Số: *1259* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước được phê duyệt
phương án xử lý tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 21/3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án xử lý vật chứng là tài sản tịch thu sung quỹ theo Quyết định thi hành án số 212/QĐ-CTHADS ngày 20/01/2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1433/TTr-STC ngày 17/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước được phê duyệt phương án xử lý tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Cơ quan nhà nước có tài sản bán: Sở Tài chính Thái Nguyên.

2. Danh mục tài sản bán:

a) Tên tài sản, quyết định tịch thu, số lượng chủng loại: **28 tài sản** bị tịch thu theo Bản án số 67/2023//HSST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Quyết định thi hành án số 212/QĐ-CTHADS ngày 20/01/2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

(Chi tiết về thông tin tài sản theo Phụ lục đính kèm)

b) Nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán: Tài sản là vật chứng bị tịch thu chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán, chưa xác định được nguyên giá và giá trị còn lại.

c) Lý do bán: Bán vật chứng là tài sản tịch thu sung quỹ theo Quyết định thi hành án số 212/QĐ-CTHADS ngày 20/01/2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Phương thức bán: Thực hiện bán đấu giá tài sản theo quy định.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan, đơn vị quan có liên quan tổ chức bán tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thời hạn hiệu lực của quyết định: 06 tháng kể từ ngày UBND tỉnh ban hành quyết định bán.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bán đấu giá tài sản đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

Sonnk.T4.QĐ05.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Dũng

Phụ lục
DANH MỤC BÁN TÀI SẢN TỊCH THU

(Kèm theo Quyết định số 1239 /QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	TÊN TÀI SẢN, CHỦNG LOẠI	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG, THỰC TRẠNG TÀI SẢN
1	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.48; số khung: LZZ5EMSD5KB059714; số máy: WD61547181217016547	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
2	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.20; Số khung: LZZ5EMSDXKB059708; số máy: WD61547181217016447	01	Xe để ngoài trời
3	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.10; số khung: LZZ5EMSD8KB059710; số máy: WD61547181217016437	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
4	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.35; số khung: LZZ5EMSD7KB059715; số máy: WD61547181217016497	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
5	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.47; số khung: LZZ5EMSD9KB059716; số máy: WD61547181217016487	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
6	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.37; số khung: LZZ5EMSDIKB059709; số máy: WD61547181217016477	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
7	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.33; số khung: LZZ5EMSDIKB059712; số máy: WD61547181217016507	01	Xe để ngoài trời
8	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.26; số khung: LZZ5EMSD3KB059713; số máy: WD61547181217016537	01	Xe để ngoài trời
9	Xe CNHTC; BKS: 34HC-000.40; số khung: LZZ5EMSDOKB059717; số máy: WD61547181217016527	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
10	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.46; số khung: LZZ5EMSDXKB059711; số máy: WD61547181217016517	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
11	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.45; số khung: LZZ5EM3F9KB061375; số máy: WD61547190417019017	01	Xe để ngoài trời
12	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.49; số khung: LZZ5EM3E7KB061374; số máy: WD61547190417019137	01	Xe để ngoài trời
13	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.44; số khung: LZZ5EM3EOKB061376; số máy: WD61547190417019077	01	Xe để ngoài trời
14	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.15; số khung: LZZ5EM3E4KB061378; số máy: WD61547190417019157	01	Xe để ngoài trời

STT	TÊN TÀI SẢN, CHỦNG LOẠI	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG, THỰC TRẠNG TÀI SẢN
15	Xe tải ben CNHTC; BKS: 34HC-000.06; số khung: LZZ5EM3E2KB061377; số máy: WD61547190417019067	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
16	Máy xúc 450 (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời; Không có số khung, số máy
17	Máy cò 400; số máy: 6D1-70180 (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát. Số khung: PC400LC-630301
18	Máy cò 170; số khung: SL170W-0065 (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
19	Xe dầu 3 chân BKS 29C-234.06, số khung: BN6BDGF21AT000017 (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời
20	Xe tưới đường 2 chân (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời; Biển kiểm soát 22C-02.456
21	Máy xúc lật SDLG; số khung: VLGL956FJJ0620127; số máy: WD10G220E23*1218D004834*; BKS: 34LA-0539	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
22	Máy xúc lật ZV97, không có giấy chứng nhận (mua của Yên Phước)	01	Xe để ngoài trời; Không có Biển kiểm soát
23	Máy xúc Komatsu PC 800; số khung: PC800-30076; số máy: 6D140.24365; BKS: 34XA-0523; (Đăng ký: Đông Bắc HD)	01	Xe để ngoài trời
24	Máy xúc Komatsu PC 800; số khung: PC 800-30091, số máy: 6D140.24698; BKS: 34XA-0522; (Đăng ký: Đông Bắc HD)	01	Xe để ngoài trời
25	Máy sàng rung	01	Để ngoài trời
26	Máy nghiền	01	Để ngoài trời
27	Trạm cấp dầu	01	Để ngoài trời
28	Máy xúc lật SDLG; số khung: VLGL956FLJJ0620095; số máy: WD10G220E23*1218D004518*; BKS 34LA-054	01	Xe để ngoài trời